

Số: 2838/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Dự án: Sửa chữa đường tỉnh ĐT.687 (tỉnh lộ 7) năm 2016,
đoạn Km2+00 ÷ Km12+00

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh về việc phân khai nguồn kinh phí của Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương bổ sung cho Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh năm 2016;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số 120/KQTĐ-SGTVT ngày 12/9/2016 của Sở Giao thông vận tải về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa đường tỉnh Sửa chữa đường tỉnh ĐT.687 (Tỉnh lộ 7) năm 2016 đoạn Km2 ÷ Km12;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1437/TTr-SGTVT ngày 14/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa đường tỉnh ĐT.687 (Tỉnh lộ 7) năm 2016 đoạn Km2+00 ÷ Km12+00.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

3. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Đầu tư APP Việt Nam.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đáp ứng nhu cầu giao thông, đảm bảo an toàn, thuận lợi và tăng tuổi thọ, hiệu quả sử dụng công trình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

6. Diện tích sử dụng đất: Trong phạm vi hành lang đường đang khai thác.

7. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp IV miền núi.

8. Quy mô đầu tư xây dựng: Sửa chữa nền đường, mặt đường, công thoát nước, đảm bảo an toàn giao thông đoạn Km2+00 ÷ Km12+00.

9. Nội dung thiết kế cơ sở:

a) Mặt, lề đường:

- Các đoạn mặt đường cũ đá dăm láng nhựa (Km2+200 ÷ Km2+602,50; Km3+664,44 ÷ Km6+29,80; Km6+612,76 ÷ Km7+208,86; Km7+705,5 ÷ Km8+396):

+ Mở rộng mặt đường đạt 5,5m. Kết cấu phần mặt đường mở rộng như sau:

- Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²;
- Móng trên đá dăm 4x6 tiêu chuẩn, dày 15cm;
- Móng dưới đá 4x6, dày 15cm;
- Nền đường, $K_{yc} \geq 0,98$;
- Đá vữa: Đá hộc (15x33)cm.

+ Đắp lề bằng đất cấp 3, $K_{yc} \geq 0,95$. Phạm vi lề bố trí các rãnh xương cá khoảng cách 20m/rãnh.

+ Độ dốc ngang phần mặt đường 3%, lề đường 4%.

+ Phạm vi mặt đường cũ: Vá ổ gà bằng đá 4x6 chèn đá dăm; láng nhựa 3 lớp TCN 4,5kg/m² trên toàn bộ mặt đường cũ.

- Các đoạn mặt đường cũ bằng bê tông xi măng (Km2+602,50 ÷ Km3+664,44; Km6+29,80 ÷ Km6+612,76; Km7+208,86 ÷ Km7+705,50):

+ Mở rộng mặt đường trên tuyến đạt 5,5m (chưa kể mở rộng trong đường cong). Kết cấu phần mặt đường mở rộng như sau:

- Mặt đường bê tông xi măng M300, đá 1x2, dày 24cm;
- Móng trên cấp phối đá dăm loại 1, $D_{max} 25$, dày 18cm, $K_{yc} \geq 0,98$;
- Nền đường, $K_{yc} \geq 0,98$;

+ Tẩm bê tông xi măng, kích thước (1x3)m; các khe co, giãn, khe dọc bố trí như sau:

▪ Khe dọc bố trí dọc hai bên mặt đường cũ, có thép liên kết (thép có gờ) $D=14mm$.

▪ Khe giãn bố trí cách 36m/1khe, có thanh truyền lực (thép tròn trơn) $D=30mm$.

▪ Khe co giả có thanh truyền lực (thép tròn trơn) $D=30mm$, bố trí tại 3 khe liên tiếp với khe giãn. Còn lại là khe co giả không có thanh truyền lực.

+ Đắp lề bằng đất cấp 3, $K_{yc} \geq 0,95$.

+ Độ dốc ngang phần mặt đường 2%, lề đường 4%.

b) Hệ thống thoát nước:

- Rãnh dọc:

+ Đào vét lại rãnh dọc trên tuyến, tiết diện rãnh hình thang sâu 50cm, đáy rộng 50cm.

+ Đoạn Km4+532,84 ÷ Km5+737 và các vị trí vào nhà dân (trên các đoạn còn lại): Gia cố rãnh dọc bằng tẩm lát bê tông xi măng, tiết diện rãnh hình thang sâu 50cm, đáy rộng 40cm. Cấu tạo chính như sau:

- Tấm lát kích thước (64x49x7)cm bằng bê tông xi măng đá 1x2, mác 150.
- Đáy rãnh dày 10cm bằng bê tông đá 1x2, mác 150 đổ tại chỗ.
- Tại mỗi vị trí vào nhà dân bố trí 03 tấm đan kích thước (160x50x12)cm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, mác 200.

- Công dọc:

Vị trí vào trường học tại Km2+210 (bên phải tuyến) và vị trí vào nghĩa trang tại Km6+971,69 (hai bên tuyến) bổ sung công dọc. Tải trọng thiết kế 0,65HL93. Cấu tạo chính như sau:

- + Công bản Lo=80cm.
- + Móng, thân công, tường cánh công bằng bê tông đá 2x4, mác 150.
- + Tấm bản bằng bê tông cốt thép đá 1x2, mác 250.

c) Hệ thống an toàn giao thông: Sửa chữa, bổ sung hệ thống an toàn giao thông, cọc tiêu, biển báo các loại, phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

10. Khối lượng xây lắp chủ yếu:

- Đào nền đường	:	10.338,24 m ³
- Đào rãnh dọc	:	208,76 m ³
- Đắp nền đường	:	443,54 m ³
- Mặt đường mở rộng láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m ²	:	8.375,80 m ²
- Móng đường lớp dưới đá 4x6, dày 15cm	:	8.375,80 m ²
- Móng đường lớp trên đá dăm 4x6 tiêu chuẩn, dày 15cm	:	8.375,80 m ²
- Đá vĩa – đá hộc (15x33)cm	:	8.202,42 m
- Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m ² trên mặt đường nhựa cũ	:	13.476,04 m ²
- Vá ổ gà bằng đá 4x6 chèn đá dăm, dày 15cm	:	635,18 m ²
- Rãnh xương cá (30x30)cm	:	412 cái
- Mặt đường bê tông xi măng mác 300, đá 1x2, dày 24cm	:	845,75 m ³
- Móng đường cấp phối đá dăm loại 1, Dmax 25, dày 18cm	:	809,78 m ³
- Khe dọc có thanh truyền lực	:	3.559,96 m
- Khe giãn có thanh truyền lực	:	100,00 m
- Khe co giãn có thanh truyền lực	:	598,00 m
- Khe co giãn không có thanh truyền lực	:	494,00 m
- Đắp đất lề đường	:	4.813,22 m ³
- Rãnh dọc tiết diện hình thang gia cố tấm lát bằng bê tông xi măng	:	1.834,00 m
- Tấm đan vào nhà dân bê tông xi măng (160x50x12)cm	:	801 tấm
- Công bản Lo80cm	:	03/23 cái/m
- Bổ sung cọc tiêu	:	436 cọc
- Vét đất trong công cũ	:	119,93 m ³

11. Tổng mức đầu tư: 12.241.000.000 đồng (Muoi hai tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	10.713.751.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	220.021.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư	:	664.191.000 đồng
+ Khảo sát	:	150.627.000 đồng
+ Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	:	217.650.000 đồng
+ Lập hồ sơ mời thầu xây dựng	:	10.714.000 đồng
+ Đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng	:	10.714.000 đồng
+ Giám sát kỹ thuật xây dựng	:	274.486.000 đồng
- Chi phí khác	:	643.037.000 đồng
+ Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	:	2.326.000 đồng
+ Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	:	10.616.000 đồng
+ Thẩm định dự toán	:	10.324.000 đồng
+ Thẩm định hồ sơ mời thầu xây dựng	:	4.870.000 đồng
+ Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng	:	4.870.000 đồng
+ Hạng mục chung	:	428.550.000 đồng
+ Kiểm toán	:	142.298.000 đồng
+ Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	:	39.183.000 đồng

12. Nguồn vốn đầu tư: Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh năm 2016.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (T.17).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà